

Số: 698/2019/QĐST-HNGĐ

*Quận 12, ngày 05 tháng 6 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 655/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa:

\* Nguyên đơn: Ông **Vũ Trường A**, sinh năm: 1986.

Thường trú: Thị trấn P, huyện T, tỉnh Q.

Tạm trú: B12.09, Chung cư Lô B, Khu TMDVCHCT, Tổ 18, Khu phố 2, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Bị đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm: 1985.

Thường trú: xã Tịnh Bình, huyện S, tỉnh K.

Tạm trú: B12.09, Chung cư Lô B, Khu TMDVCHCT, Tổ 18, Khu phố 2, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Trường A và bà Trần Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông **Vũ Trường A**, sinh năm: 1986.

Thường trú: Thị trấn P, huyện T, tỉnh Q.

Tạm trú: B12.09, Chung cư Lô B, Khu TMDVCHCT, Tổ 18, Khu phố 2, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Bị đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm: 1985.

Thường trú: xã Tịnh Bình, huyện S, tỉnh K.

Tạm trú: B12.09, Chung cư Lô B, Khu TMDVCHCT, Tổ 18, Khu phố 2, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**3.1/ Về quan hệ hôn nhân:** Ông Vũ Trường A và bà Trần Thị B thỏa thuận thuận tình ly hôn.

**3.2/ Về con chung:** Có một con chung tên là Vũ Trần Duy Kha (sinh ngày: 29/5/2015). Con chung sẽ do bà Trần Thị B nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Vũ Trường A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

Kể từ ngày bà Linh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A chưa giao trả hết số tiền nêu trên, thì ông A còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

**3.3/ Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu tòa án giải quyết.

**3.4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng ông Vũ Trường A tự nguyện chịu. Ông A đã nộp đủ số tiền này theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0025303 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

Trường hợp quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP. Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 12;
- Ủy ban nhân dân xã Tịnh Bình, huyện S, tỉnh K;
- Lưu.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12  
THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Thu Hương**